TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 836/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1259/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm: 1992; Địa chỉ ĐKTT: 184D đường L, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Hứa Minh H, sinh năm: 1983; Địa chỉ ĐKTT: 103H/17 đường H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 3 năm 2023, nộp tại Tòa ngày 13 tháng 3 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T trình bày: Bà T và ông Hứa Minh H chung sống vợ chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, đăng ký ngày 24/10/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, khó có

thể hoà hợp do ông H không tôn trọng bà T, không có trách nhiệm với gia đình. Bà T đã nhiều lần khuyên để ông H thay đổi nhưng không có kết quả và hiện nay bà T và ông H đã sống ly thân. Bản thân bà T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Bà T yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho bà T được ly hôn ông Hứa Minh H. Về con chung: có 01 con chung tên là Hứa Bảo D, sinh ngày: 03/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hứa Bảo D, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Hứa Minh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông Hứa Minh H không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, đăng ký ngày 24/10/2016 tại Ủy ban Nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao Trích lục khai sinh số 312/TLKS-BS do Ủy ban Nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2017. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; Do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Hứa Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Hứa Minh H chung sống vợ chồng từ năm 2016; Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, đăng ký ngày 24/10/2016. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bảo T xin ly hôn với ông Hứa Minh H. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể

hoà hợp nên bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Hứa Minh H đã sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Hứa Minh H đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông Hứa Minh H và bà Nguyễn Thị Bảo T nhưng ông Hứa Minh H không đến. Chứng tỏ ông Hứa Minh H thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Hứa Minh H không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo T khai trong thời gian chung sống giữa bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Hứa Minh H có 01 con chung tên là Hứa Bảo D, sinh ngày: 03/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Nguyễn Thị Bảo T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Bảo T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định giao con chung tên là Hứa Bảo D cho bà Nguyễn Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng; Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Bảo T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bảo T xin ly hôn ông Hứa Minh H.

2. Về con chung: có 01 con chung tên là Hứa Bảo D, sinh ngày: 03/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Nguyễn Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hứa Bảo D. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Bảo T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Bảo T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng; Theo biên lai thu số 0002783 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Bảo T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P14, Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn